

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 - ĐẮKLẮK **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST.

Ngày 23/03/2026.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮC LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Sơn**.

Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Trọng Thảo** và ông **Bành Trọng Bình**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Y Rin Nê KDăm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 03 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2025 vụ án “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị L** – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Ngọc B** – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị L trình bày:

Bà và ông Huỳnh Ngọc B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/05/1998 tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống do tính tình không hợp, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, hạnh phúc không hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài vì lý do ông B thường xuyên uống rượu, đánh đuổi vợ con, nhiều lần bà đã làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhưng vì quá thương con nên bà đã rút đơn để về đoàn tụ như vẫn không hàn gắn được hạnh phúc nên bà xin được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc B.

- *Về con chung:* Hai vợ chồng có 04 con chung tên là Huỳnh Thị Ngọc L1 - sinh ngày 02/10/1999, Huỳnh Ngọc L2 - sinh ngày 27/10/2003, Huỳnh Thị Ngọc L3 - sinh ngày 15/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc M - sinh ngày 23/7/2021 sau khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con Huỳnh Thị Ngọc L3 – sinh ngày 15/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc M - sinh ngày 23/7/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi,

còn các con Huỳnh Thị Ngọc L1 đã có gia đình riêng, Huỳnh Ngọc L2 đã thành niên nên ở với ai là quyền của con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- *Về tài sản chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Bị đơn ông Huỳnh Ngọc B trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Quá trình chung sống giữa ông và bà Trần Thị L nhiều lúc có mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại theo như bà Trần Thị L trình bày là đúng, bản thân ông mong muốn được đoàn tụ, ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về việc giải quyết vụ án*:

Căn cứ Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bà Trần Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc B.

- *Về con chung*: Giao các con Huỳnh Thị Ngọc L3 – sinh ngày 15/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc M – sinh ngày 23/7/2021 cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không đề cập.

còn các con Huỳnh Thị Ngọc L1 đã có gia đình riêng, Huỳnh Ngọc L2 đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ngọc B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/05/1998 tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk. rên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được, lý do ông Huỳnh Ngọc B chỉ nhận văn bản tố tụng và xin giải quyết vắng mặt, đến khi mở phiên tòa ông B có mặt, tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã tiến hành hòa giải hướng cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Trần thị L kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn vì các lý do như bà L đã trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như xem xét về tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng tại chính quyền địa phương và tại phiên tòa hôm nay, đã có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà Trần Thị L, ông Huỳnh Ngọc B mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được hạnh phúc là phù hợp với lời khai của bà Trần Thị L.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị L, ông Huỳnh Ngọc B thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L là có cơ sở nên cần chấp nhận đơn ly hôn của Trần Thị L.

[2] *Về con chung*: Xét các con chung của vợ chồng hiện nay có 02 con tên là Huỳnh Thị Ngọc L1 - sinh ngày 02/10/1999, Huỳnh Ngọc L2 - sinh ngày 27/10/2003 đã thành niên, có năng lực hành vi đầy đủ nên các cháu ở với ai là quyền của các cháu. Đối với các con Huỳnh Thị Ngọc L3 - sinh ngày 15/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc M - sinh ngày 23/7/2021, xét theo nguyện vọng của con cũng như điều kiện chăm sóc con, Hội đồng xét xử xét cần để cho bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[4] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] *Về án phí*: Đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 91, Điều 186, Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị L.

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: bà Trần Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc B.

2/ *Về con chung*: Giao cho bà Trần Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên là Huỳnh Thị Ngọc L3 - sinh ngày 15/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc M - sinh ngày 23/7/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

4/ *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

5/ *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

6/ *Về án phí*: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004201 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, bà L đã nộp đủ.

6/ *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND Khu vực ;
- Các đương sự;
- Phòng THA dân sự Khu vực;
- UBND xã Ea B;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Xuân Sơn

